

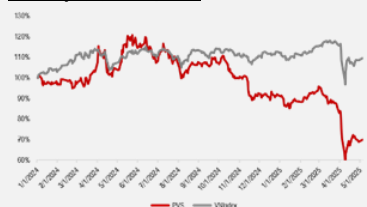
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS: HNX)

Ngày báo cáo: 27/05/2025
Ngành: DẦU KHÍ
TPPT: Nguyễn Hoàng Giang, CFA
Email: giangnh@ssi.com.vn
SĐT: +84-24 3936 6321 ext. 8703

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: 33.000 Đồng
Giá CP ngày 26/05/2025: 26.900 Đồng
% Tăng giá: **+22,7%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 504
 Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 12.857
 Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 478
 KLGD trung bình 3 tháng (cp): 3.840.280
 Giá cao/thấp nhất 52T (NĐ): 44,6/21,4
 GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 104,2
 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 15,3
 Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 51,38

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Thành lập năm 1993, Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) được cổ phần hóa vào năm 2006. Trong năm 2007, PTSC được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã PVS. PVS có hoạt động kinh doanh phức tạp nhằm phát triển hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí. Sáu mảng kinh doanh của PVS bao gồm: (1) Dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng; (2) FSO/FPSO (Dịch vụ kho nổi chứa xử lý và xuất dầu thô); (3) EPC/EPCL (Dịch vụ cơ khí dầu khí); (4) Dịch vụ căn cứ cảng; (5) Dịch vụ vận hành, bảo dưỡng (O&M) và (6) Dịch vụ khảo sát địa chấn địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV.

Cập nhật Cuộc họp CVPT

Triển vọng doanh thu tích cực mặc dù biên lợi nhuận chịu áp lực

Chúng tôi nâng khuyến nghị cổ phiếu PVS lên **KHẢ QUAN** với giá mục tiêu 1 năm là 33.000 đồng/cp, do chúng tôi dự báo lợi nhuận năm 2025 và 2026 lần lượt tăng 14% và 8%, phản ánh việc ghi nhận doanh thu từ một số dự án lớn.

Mảng EPC ghi nhận mức tăng trưởng 122% svck nhờ tiếp tục có những dự án lớn (dự án thượng nguồn Lô B, trang trại điện gió của Orsted,...), đồng thời biên lợi nhuận cải thiện cũng sẽ hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận trong thời gian tới. Đáng chú ý, giá trị backlog của PVS hiện ở mức đáng kể là 2,5 tỷ USD và có khả năng nhận thêm các hợp đồng lớn trị giá 400 triệu USD trong ngắn hạn, dự kiến đến từ một dự án dầu khí trong nước.

Việc nâng khuyến nghị lên **KHẢ QUAN** cũng phản ánh vị thế tiền mặt ròng trên mỗi cổ phiếu dồi dào của PVS (Tiền mặt – Nợ ngắn & dài hạn) đạt 29.850 đồng/cổ phiếu trong Q1/2025, hạn chế được đáng kể những rủi ro. Doanh thu hợp nhất trong Q1/2025 đạt 6 nghìn tỷ đồng, tăng 62% svck. Tuy nhiên, nếu không tính đến khoản lãi/lỗ tỷ giá và định giá lại tài sản (130 tỷ đồng), lợi nhuận trước thuế Q1/2025 sẽ giảm 66% svck.

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	16.789	20.180	14.198	16.366	19.374	23.770	27.182	29.211
Tăng trưởng doanh thu thuần	14,7%	20,2%	-29,6%	15,3%	18,4%	22,7%	14,4%	7,5%
Lợi nhuận gộp	1.134	778	776	1.014	1.039	1.065	1.147	1.203
Biên lợi nhuận gộp	6,8%	3,9%	5,5%	6,2%	5,4%	4,5%	4,2%	4,1%
Thu nhập tài chính	318	400	278	489	790	569	734	748
Chi phí tài chính	-67	-143	-94	-163	-216	-217	-145	-156
SG&A	-759	-916	-802	-907	-1.052	-1.330	-1.196	-1.139
Thu nhập ròng khác	129	715	214	185	66	603	326	351
Lợi nhuận trước thuế	1.336	1.025	878	1.276	1.277	1.553	1.730	1.869
Lợi nhuận ròng	996	710	677	1.051	1.060	1.255	1.436	1.552
Tăng trưởng lợi nhuận ròng	73,7%	-28,7%	-4,6%	55,1%	0,9%	18,4%	14,4%	8,1%
Biên lợi nhuận ròng	5,9%	3,5%	4,8%	6,4%	5,5%	5,3%	5,3%	5,3%
EPS (VND)	1.977	1.046	911	1.438	1.579	1.923	2.478	2.691

Nguồn: PVS, SSI Research

Chúng tôi đã tham dự cuộc họp Chuyên viên phân tích Q1/2025 của PVS. Một số điểm chính từ cuộc họp như sau:

- **KQKD Q1/2025:** PVS ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 6 nghìn tỷ đồng (tăng 62% svck), lợi nhuận gộp đạt 257 tỷ đồng (đi ngang svck), và LNTT hợp nhất đạt 384 tỷ đồng (+4,4% svck). Nếu không tính đến khoản lãi/lỗ tỷ giá và lợi nhuận từ việc định giá lại tài sản (130 tỷ đồng), LNTT Q1/2025 sẽ giảm 66% svck do chi phí quản lý tăng mạnh (+82% svck) liên quan đến việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- **Mảng EPC:** Doanh thu Q1/2025 đạt 4 nghìn tỷ đồng, tăng 122% svck nhờ ghi nhận các dự án lớn (dự án thượng nguồn Lô B hơn 1 tỷ USD, và hợp đồng cung cấp chân đế cho dự án điện gió của Orsted trị giá 300 triệu USD). Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp mảng EPC vẫn ở mức thấp là 1,2% (tăng nhẹ từ 0,8% trong năm 2024), nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với giai đoạn 2013 – 2015 đạt khoảng 4-5%. **Ban lãnh đạo cho rằng nguyên nhân chính khiến biên lợi nhuận gộp thấp là do chi phí đầu tư tăng cao đối với các lĩnh vực mới như EPC điện gió, và biên lợi nhuận gộp dự kiến sẽ cải thiện sau giai đoạn đầu tư này (năm 2027 – 2028).** Điều này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi rằng các hợp đồng dầu khí trong nước thường có biên lợi nhuận cao hơn so với các hợp đồng quốc tế hoặc điện gió.
- Các mảng ngoài EPC/EPCI (Căn cứ cung ứng & cảng, O&M FSO/FPSO, O&M, dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng...) cũng có triển vọng doanh thu cải thiện 5% svck (dịch vụ cung ứng tàu chuyên dụng +13,5% svck, và FSO/FPSO +13,7% svck), trừ mảng dịch vụ căn cứ cung ứng & cảng có doanh thu giảm 3,5% svck do sản lượng container tại cảng PTSC Đình Vũ ở Hải Phòng giảm 5,9% svck. Biên lợi nhuận gộp trung bình của các mảng này đã giảm xuống 4,3% (từ 9,5% trong năm 2024 và 7% trong Q1/2024).
- **Tổng giá trị backlog của PVS hiện đạt khoảng 2,5 tỷ đồng,** bao gồm Lô B (hơn 1 tỷ USD), Lạc Đà Vàng (khoảng 1 tỷ USD), và trang trại điện gió của Orsted (300 triệu USD). Công ty kỳ vọng sẽ công bố thêm một hợp đồng lớn khác trị giá khoảng 400 triệu USD trong vài tháng tới, dự kiến đến từ một dự án dầu khí trong nước. Giá trị backlog của PVS phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi.
- **Tác động của giá dầu thấp:** Tình trạng giá dầu thấp ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư đối với PVS. Tuy nhiên, PVS cho rằng công ty hầu như sẽ không bị ảnh hưởng trong vài năm tới nhờ có lượng backlog đến năm 2028. Ngoài ra, công ty đang gia tăng tham gia vào các nguồn năng lượng khác như điện gió (từ năm 2023 với hợp đồng Orsted) và đang nghiên cứu EPC cho nhà máy điện hạt nhân. Công ty nhận thấy nhu cầu sau khi Quốc hội gần đây đã phê duyệt tái khởi động dự án điện hạt nhân, và đặt mục tiêu nâng cao năng lực để tham gia đấu thầu dự án này (trị giá khoảng 10 tỷ USD) trong vài năm tới.
- **FSO/FPSO:** Công ty đã trúng thầu cung cấp 2 FSO cho các dự án Lô B và Lạc Đà Vàng (mỗi dự án 1 FSO) với tổng giá trị 10 nghìn tỷ đồng. PVS dự kiến cung cấp FSO trong vòng 2 năm tới, với thời hạn hợp đồng là 15 năm. PVS hiện đang vận hành 6 FSO với mức đóng góp LNTT hàng năm chiếm từ 50-60% tổng LNTT của công ty. Việc mở rộng sang mảng này dự kiến sẽ là triển vọng tăng trưởng mới cho PVS.
- **Dự án điện gió ngoài khơi xuất khẩu điện sang Singapore:** Công ty nhận thấy dự án Singapore là khả thi nhất để giúp công ty tham gia ngành điện gió, do các dự án điện gió trong nước có tỷ lệ sử dụng thấp và chưa khả thi dưới khung pháp lý hiện tại. Tuy nhiên, dự án này vẫn đang gặp rào cản pháp lý và kỹ thuật do là dự án điện gió xuất khẩu đầu tiên tại Việt Nam.
- **Thu dọn mỏ và lưu trữ carbon (CCS) là 2 lĩnh vực kinh doanh tiềm năng mà công ty dự kiến sẽ mở rộng,** nhằm đa dạng hóa hoạt động và tạo dư địa tăng trưởng. Nhiều mỏ dầu khí tại Việt Nam đang bước vào những năm cuối vòng đời sau 20–25 năm khai thác, do đó việc thu dọn mỏ sẽ có nhiều dư địa. Công

ty nhận thấy có nhiều nhu cầu tại thị trường nội địa và trong khu vực. Lưu trữ carbon cũng có tiềm năng tại thị trường châu Âu. Do đó, PVS dự kiến sẽ tham gia đấu thầu một số hợp đồng trong thời gian tới.

- **Vốn đầu tư:** 5 nghìn tỷ đồng trong năm 2025 và 27 nghìn tỷ đồng trong giai đoạn 2026-2030:
 - Tàu chuyên dụng: 4 nghìn tỷ đồng
 - Mở rộng/nâng cấp cơ sở hạ tầng & bãi thi công: 10 nghìn tỷ đồng
 - Dự án xuất khẩu điện sang Singapore: 10 nghìn tỷ đồng
 - Khác

Quan điểm của chúng tôi

Ban lãnh đạo khá lạc quan về triển vọng ngắn hạn của công ty tại cuộc họp Chuyên viên phân tích nhờ lượng backlog từ các dự án lớn và tiềm năng phát triển kinh doanh.

Tuy nhiên, biên lợi nhuận vẫn chịu áp lực do công ty có kế hoạch đầu tư vốn lớn trong vài năm tới. Điều này sẽ giúp củng cố năng lực kinh doanh cốt lõi và chuẩn bị cho các lĩnh vực kinh doanh mới, bao gồm điện hạt nhân, CCS, các dự án điện gió xuất khẩu,...

Do đó, chúng tôi điều chỉnh giảm giả định biên lợi nhuận cho giai đoạn 2025 – 2027 (từ 2,5% xuống 1,2%) đối với mảng EPC/EPCI, mặc dù chúng tôi duy trì giả định cho các mảng khác:

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	16.789	20.180	14.198	16.366	19.374	23.770	27.182	29.211
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	<i>14,7%</i>	<i>20,2%</i>	<i>-29,6%</i>	<i>15,3%</i>	<i>18,4%</i>	<i>22,7%</i>	<i>14,4%</i>	<i>7,5%</i>
Lợi nhuận gộp	1.134	778	776	1.014	1.039	1.065	1.147	1.203
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>6,8%</i>	<i>3,9%</i>	<i>5,5%</i>	<i>6,2%</i>	<i>5,4%</i>	<i>4,5%</i>	<i>4,2%</i>	<i>4,1%</i>
Thu nhập tài chính	318	400	278	489	790	569	734	748
Chi phí tài chính	-67	-143	-94	-163	-216	-217	-145	-156
SG&A	-759	-916	-802	-907	-1.052	-1.330	-1.196	-1.139
Thu nhập ròng khác	129	715	214	185	66	603	326	351
Lợi nhuận trước thuế	1.336	1.025	878	1.276	1.277	1.553	1.730	1.869
Lợi nhuận ròng	996	710	677	1.051	1.060	1.255	1.436	1.552
<i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	<i>73,7%</i>	<i>-28,7%</i>	<i>-4,6%</i>	<i>55,1%</i>	<i>0,9%</i>	<i>18,4%</i>	<i>14,4%</i>	<i>8,1%</i>
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	<i>5,9%</i>	<i>3,5%</i>	<i>4,8%</i>	<i>6,4%</i>	<i>5,5%</i>	<i>5,3%</i>	<i>5,3%</i>	<i>5,3%</i>
EPS (VND)	1.977	1.046	911	1.438	1.579	1.923	2.478	2.691

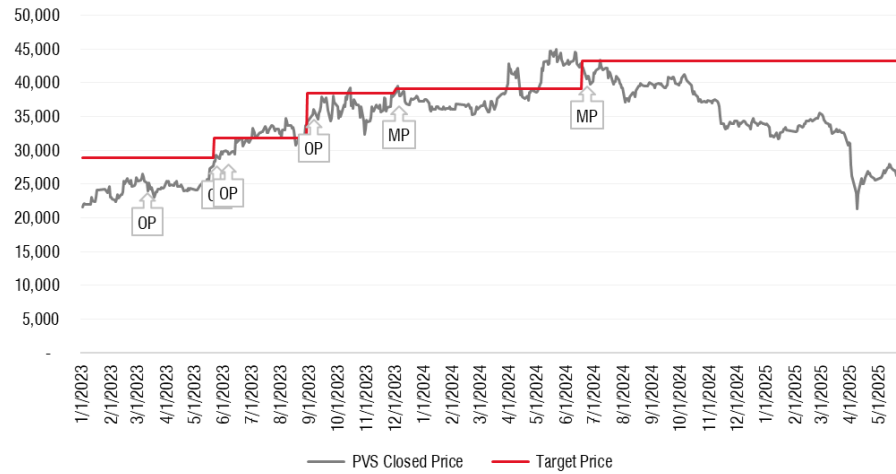
Nguồn: SSI Research

Cụ thể, chúng tôi ước tính doanh thu hợp nhất năm 2025 và 2026 lần lượt tăng 14,4% và 7,5%, nhờ ghi nhận các dự án lớn. EPS năm 2025 và 2026 ước tính lần lượt đạt 2.478 đồng và 2.691 đồng, tương đương mức tăng trưởng 14% và 8%.

PVS hiện đang giao dịch với hệ số P/E và P/B dự phóng năm 2025 lần lượt là 11x và 0,9x, khá thấp so với biên độ lịch sử (P/E từ 9x–30x và P/B từ 0,7x–1,1x). **Dựa trên phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền (DCF) và định giá tương đối, chúng tôi đưa ra giá mục tiêu 1 năm là 33.000 đồng/cổ phiếu, tương đương tiềm năng tăng giá là 22,7%.** Chúng tôi khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu PVS. Chúng tôi nhận thấy rủi ro được hạn chế nhờ mức P/B hiện là 0,9x, cũng như vị thế tiền mặt ròng (tiền mặt – nợ ngắn & dài hạn) trên mỗi cổ phiếu đạt 29.850 VNĐ/cổ phiếu vào năm 2025. Các yếu tố hỗ trợ tiềm năng bao gồm kết quả lợi nhuận trong ngắn hạn tốt hơn dự kiến, thông báo trúng thầu các hợp đồng EPC mới, và tin tức về việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh.

Rủi ro giảm: Giá dầu giảm, và biên lợi nhuận sụt giảm mạnh hơn dự kiến

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5.757	11.422	11.451	13.037
+ Đầu tư ngắn hạn	4.329	3.886	3.886	3.886
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	4.185	6.244	7.077	7.606
+ Hàng tồn kho	1.470	1.830	2.340	2.517
+ Tài sản ngắn hạn khác	548	500	461	495
Tổng tài sản ngắn hạn	16.290	23.882	25.215	27.541
+ Các khoản phải thu dài hạn	123	97	206	221
+ GTCL Tài sản cố định	3.391	3.588	3.638	3.656
+ Bất động sản đầu tư	164	160	140	120
+ Tài sản dài hạn dở dang	373	430	476	485
+ Đầu tư dài hạn	4.945	4.730	4.730	4.730
+ Tài sản dài hạn khác	1.130	1.190	1.722	1.852
Tổng tài sản dài hạn	10.126	10.195	10.912	11.064
Tổng tài sản	26.416	34.077	36.127	38.605
+ Nợ ngắn hạn	9.060	13.938	14.408	15.500
Trong đó: vay ngắn hạn	1.176	869	1.276	1.372
+ Nợ dài hạn	3.812	5.399	6.022	6.334
Trong đó: vay dài hạn	564	790	1.058	1.138
Tổng nợ phải trả	12.872	19.337	20.430	21.834
+ Vốn góp	4.780	4.780	4.780	4.780
+ Thặng dư vốn cổ phần	40	40	40	40
+ Lợi nhuận chưa phân phối	4.048	4.082	4.788	5.597
+ Quỹ khác	4.677	5.838	5.928	6.018
Vốn chủ sở hữu	13.544	14.740	15.536	16.434
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	26.416	34.077	36.127	38.605
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-285	4.343	334	2.387
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	818	1.062	-500	-500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-32	198	196	-301
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	501	5.603	30	1.586
Tiền đầu kỳ	5.219	5.757	11.422	11.451
Tiền cuối kỳ	5.757	11.422	11.451	13.037
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,80	1,71	1,75	1,78
Hệ số thanh toán nhanh	1,58	1,55	1,56	1,58
Hệ số thanh toán tiền mặt	1,11	1,10	1,06	1,09
Nợ ròng / EBITDA	-2,13	-3,11	-5,81	-5,55
Khả năng thanh toán lãi vay	18,49	25,25	19,54	19,62
Ngày phải thu	68,3	60,0	68,1	70,5
Ngày phải trả	87,7	65,6	87,4	105,6
Ngày tồn kho	25,5	26,5	29,2	31,6
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,51	0,43	0,43	0,43
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,49	0,57	0,57	0,57
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,95	1,31	1,31	1,33
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,11	0,15	0,15
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,06	0,08	0,08

Nguồn: PVS, SSI dự báo

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	19.374	23.770	27.182	29.211
Giá vốn hàng bán	-18.335	-22.705	-26.035	-28.008
Lợi nhuận gộp	1.039	1.065	1.147	1.203
Doanh thu hoạt động tài chính	790	569	734	748
Chi phí tài chính	-216	-217	-145	-156
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-85	-95	-109	-117
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-967	-1.235	-1.087	-1.022
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.211	950	1.404	1.519
Thu nhập khác	66	603	326	351
Lợi nhuận trước thuế	1.277	1.553	1.730	1.869
Lợi nhuận ròng	1.060	1.255	1.436	1.552
Lợi nhuận chia cho cổ đông	1.026	1.070	1.346	1.462
Lợi ích của cổ đông thiểu số	34	185	90	90
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	1.579	1.923	2.478	2.691
Giá trị sổ sách (VND)	26.852	28.388	29.866	31.557
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	800	800	1.000	1.000
EBIT	1.350	1.617	1.823	1.970
EBITDA	1.843	2.219	2.293	2.472
Tăng trưởng				
Doanh thu	18,4%	22,7%	14,4%	7,5%
EBITDA	2,5%	20,4%	3,3%	7,8%
EBIT	1,8%	19,8%	12,7%	8,0%
Lợi nhuận ròng	0,9%	18,4%	14,4%	8,1%
Vốn chủ sở hữu	3,7%	8,8%	5,4%	5,8%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	1,9%	29,0%	6,0%	6,9%
Định giá				
P/E	8,7	8,9	10,6	30,0
P/B	1,4	1,2	1,1	1,1
Giá/Doanh thu				
Tỷ suất cổ tức	2,6%	3,0%	2,9%	2,9%
EV/EBITDA	0,8	0,0	0,7	4,1
EV/Doanh thu				
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	5,4%	4,5%	4,2%	4,1%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	4,2%	3,2%	3,4%	3,6%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	5,5%	5,3%	5,3%	5,3%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,4%	0,4%	0,4%	0,4%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	5,0%	5,2%	4,0%	3,5%
ROE	8,0%	8,9%	9,5%	9,7%
ROA	4,1%	4,1%	4,1%	4,2%
ROIC	7,5%	8,2%	8,8%	8,9%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6732

Phân tích Ngành Dầu khí

Nguyễn Hoàng Giang

Trưởng phòng Phân tích

giangnh@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8703

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702